

Số: 16/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 1022/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-HDND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi thù lao cho các chức danh (chủ nhiệm nhiệm vụ, thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) thực hiện chương trình, nhiệm vụ được quy đổi theo số tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	đồng/người/tháng	42.000.000	21.000.000
2	Thư ký khoa học	đồng/người/tháng	12.600.000	6.300.000
3	Thành viên chính	đồng/người/tháng	33.600.000	16.800.000
4	Thành viên	đồng/người/tháng	16.800.000	8.400.000
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	đồng/người/tháng	8.400.000	4.200.000

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

b) Tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của Kiến trúc sư trưởng cấp tỉnh, Kiến trúc sư trưởng dự án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại Nghị

định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND và Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở
1	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	đồng/buổi	1.600.000	800.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	đồng/buổi	560.000	280.000
3	Báo cáo viên viết và trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	đồng/báo cáo	3.000.000	1.500.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	đồng/báo cáo	1.800.000	900.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	đồng/thành viên/buổi	240.000	120.000

4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

5. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

6. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 300.000.000 đồng/nhiệm vụ và không quá 150.000.000 đồng/nhiệm vụ cơ sở.

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Hạng mục xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương bằng 40% mức hỗ trợ đối với tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ không quá 24 triệu đồng/01 quy chuẩn kỹ thuật địa phương có độ dày dưới 50 trang.

b) Đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau:

Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm 8 triệu đồng;

Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm 6 triệu đồng.

2. Chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế

a) Chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế: mức chi đào tạo, hội thảo theo quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15 với mức 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận.

Điều 4. Mức hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND và Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

2. Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng do ngân sách nhà nước hỗ trợ

Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu không sống trong tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

3. Chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng do ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Hỗ trợ 06 tháng tiền sinh hoạt phí theo mức quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

b) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập, nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

4. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng C của nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND;

b) Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

5. Chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

6. Chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học do ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Phí xuất bản trong thời gian không quá 02 năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN;

b) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá 02 năm. Mức chi thuê biên tập tiếng Anh được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

7. Chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn do ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng B theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND;

b) Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND.

Điều 5. Mức hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Chi thuê chuyên gia trong nước để triển khai các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

2. Chi cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm ở trong nước với khu vực và thế giới; thuê chuyên gia hỗ trợ, kết nối đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào)

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

3. Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ

a) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, bao gồm:

Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

Hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Chi thuê chuyên gia trong nước để triển khai hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV;

4. Chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương

a) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia;

b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước).

c) Chi tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực trong tỉnh, đơn vị cơ sở: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND quy định mức chi cho hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở trong tỉnh, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

6. Chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

a) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

b) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): thực

hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

c) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP;

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội, nhuận bút): thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Chi tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công trong tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

7. Chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Chi xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia:

Chi thuê chuyên gia trong nước để xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và cơ sở dữ liệu: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ áp dụng theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

c) Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

d) Chi khảo sát, nghiên cứu thị trường

Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ

a) Hàng năm, kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh bố trí để thực hiện chương trình, nhiệm vụ đặt hàng do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt hướng đến mục tiêu tối thiểu 70% trong tổng dự toán chi ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại tiêu điểm đ1, điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Nguồn ngân sách nhà nước còn lại sau khi đã bố trí để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được bố trí để tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ.

b) Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

đ) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

b) Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

c) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

b) Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBNDTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CT.HĐND.



CHỦ TỊCH

Ngô Chí Cường